

QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN THẠC SĨ
(áp dụng cho toàn bộ các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và các thí sinh đăng kí dự tuyển không thuộc phương thức Xét tuyển thẳng)

2. Xét tuyển (áp dụng cho toàn bộ các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và các thí sinh đăng kí dự tuyển không thuộc phương thức Xét tuyển thẳng tại mục 1)

2.1 Phương thức xét tuyển bao gồm 02 quy trình: đánh giá hồ sơ thí sinh dự tuyển và phỏng vấn thí sinh.

2.1.1 Đánh giá hồ sơ thí sinh

Đánh giá năng lực học tập của thí sinh thông qua kết quả học tập đã đạt được ở bậc cử nhân và các hồ sơ công việc như sau:

- Tổng điểm đánh giá: 20 điểm
- Tiêu chí đánh giá được phân bổ như sau:

STT	Các tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Năng lực học tập ở trình độ đại học	10
	Hệ đào tạo	5
	Chính quy	5
	Liên thông (chuyên tu cũ), Vừa làm vừa học (tại chức cũ)	4
	Từ xa, mở rộng....	3
	Xếp loại tốt nghiệp đại học	5
	Xuất sắc	5
	Giỏi	4
	Khá	3

STT	Các tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
	Dưới loại Khá (chỉ áp dụng đối với các chuyên ngành định hướng ứng dụng)	2
2	Thâm niên công tác	5
	Từ 5 năm trở lên	5
	Từ 2 năm đến dưới 5 năm	3
	Dưới 2 năm	1
3	Bài báo và công trình nghiên cứu khoa học	5
	Sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành	5
	Các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành	3

2.1.2 Phỏng vấn thí sinh:

Thông qua quy trình phỏng vấn, đánh giá kiến thức, nhận thức chuyên môn của thí sinh và năng lực, động cơ học tập của thí sinh về chuyên ngành đào tạo; đánh giá khả năng giao tiếp, hiểu và diễn đạt vấn đề theo yêu cầu, sự hiểu biết của thí sinh về đơn vị đào tạo; có các kiến thức và hiểu biết cơ bản và tương đối cập nhật về chuyên ngành đào tạo; nhu cầu nâng cao trình độ về lĩnh vực của chuyên ngành và vận dụng vào thực tiễn, tính sẵn sàng của người học tham gia quá trình đào tạo; đồng thời các kỹ năng cơ bản của thí sinh như kỹ năng giao tiếp, trình bày, năng lực ngôn ngữ.

- Tổng số điểm đánh giá: 80 điểm.
- Các tiêu chí đánh giá được phân bổ như sau:

TT	Nội dung của tiêu chí	Thang điểm
1	<i>Đánh giá chuyên môn</i>	<i>60</i>
	Nhận thức, trình độ hiểu biết của thí sinh về các vấn đề thuộc và liên quan đến chuyên ngành dự tuyển	20
	Kinh nghiệm thực tiễn của thí sinh trong quá trình công tác tại các lĩnh vực liên quan đến vấn đề chuyên ngành dự tuyển	20
	Những hiểu biết chung về các vấn đề liên quan đến kinh tế xã hội	20
2	<i>Đánh giá năng lực tư duy và động cơ học tập của thí sinh</i>	<i>10</i>
	- Đánh giá khả năng nhận diện, phân tích vấn đề, năng lực tư duy logic của thí sinh	5
	- Đánh giá động cơ học tập, nghiên cứu và định hướng phát triển chuyên môn của thí sinh khi tham gia chương trình đào tạo	5
3	<i>Đánh giá các kỹ năng cơ bản của thí sinh</i>	<i>10</i>
	Kỹ năng giao tiếp và sự tự tin, chuẩn bị của thí sinh cho buổi phỏng vấn	5
	Phong cách trình bày và năng lực ngôn ngữ	5
Cộng		80

- Nội dung đánh giá tiêu chí 1 (đánh giá chuyên môn) ***thí sinh tham khảo kiến thức được công bố theo nội dung đề cương phỏng vấn chuyên môn.***

Truy cập theo đường link: https://drive.google.com/drive/folders/1exYmJG2SPrhJhtbQxzn5WDggyDGFe_Sm?usp=share_link

2.2 Thời gian xét tuyển và thông báo kết quả xét tuyển:

Công việc	Thời gian
Thời gian đăng ký trực tuyến, nộp hồ sơ và nộp lệ phí xét tuyển	Đợt 1: từ khi có thông báo tuyển sinh đến 17h00 ngày 14/04/2023. Đợt 2: từ 8h00 ngày 22/05/2023 đến 17h00 ngày 30/08/2023.
Công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện xét tuyển	Đợt 1: Dự kiến trước ngày 25/04/2023 Đợt 2: Dự kiến trước ngày: 13/09/2023
Thời gian xét tuyển	Đợt 1: Dự kiến trước ngày 15/05/2023 Đợt 2: Dự kiến trước ngày: 18/09/2023
Thời gian thông báo kết quả xét tuyển	Đợt 1: Dự kiến trước ngày 17/05/2023 Đợt 2: Dự kiến trước ngày: 27/09/2023

***Thủ tục đăng ký dự tuyển:

Thí sinh đăng ký dự tuyển thạc sĩ (theo phương thức xét tuyển thẳng hay xét tuyển năm 2023 ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đều phải thực hiện đăng ký trực tuyến và đồng thời nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển theo các bước sau:

1. Đăng ký trực tuyến:

Thí sinh cần truy cập vào cổng thông tin đăng ký tuyển sinh trực tuyến theo địa chỉ <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện theo hướng dẫn. Thí sinh đã đăng ký tài khoản trong những kỳ tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kỳ đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng

tài khoản đã có để đăng ký dự tuyển trong năm 2023. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

2. Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn theo các nội dung sau:

2.1 Danh mục hồ sơ nộp tại Trường gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển (in từ cổng thông tin đăng ký trực tuyến).
- Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học.
- Giấy chứng nhận văn bằng được cấp bởi Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (*đối với thí sinh có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp*).
- Bản sao công chứng bằng điểm đại học.
- Bản sao công chứng minh chứng chuẩn đầu vào ngoại ngữ (*chỉ chấp nhận các loại văn bằng/chứng chỉ được quy định tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 trong Thông báo này* và chứng chỉ Tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate (được cấp từ ngày 16/11/2022 bởi các công ty hoặc tổ chức do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại Quyết định số 3646/QĐ-BGDĐT) đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển).
- Bản sao công chứng công trình nghiên cứu khoa học và chứng nhận thành tích nghiên cứu khoa học (*nếu có*). Đối với công trình nghiên cứu khoa học, bản sao phải thể hiện đầy đủ trang bìa, mục lục và nội dung công trình công bố của thí sinh.

2.2 Thủ tục nộp hồ sơ:

- Nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo (P. 607 nhà E), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 336 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện EMS tính theo dấu bưu điện (đợt 1 muộn nhất đến ngày 12/04/2023 và đợt 2 muộn nhất đến ngày

28/8/2023).

Nội dung gửi ghi rõ: Họ và tên thí sinh; Mã đăng kí dự thi (được cấp sau khi đăng kí trực tuyến thành công); Hồ sơ dự tuyển thạc sĩ (ghi rõ: xét tuyển thẳng hoặc xét tuyển chuyên ngành cụ thể), đợt (ghi rõ: đợt 1 hoặc đợt 2 năm 2023).

Địa chỉ nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo (P. 607 nhà E), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 336 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. ĐT: 0243.5588053.

Lưu ý:

- *Thí sinh không đăng ký trực tuyến hoặc đăng kí trực tuyến mà không nộp hồ sơ theo quy định sẽ không đủ điều kiện để dự tuyển.*
- *Trong thời gian 48 giờ sau khi đăng kí (trừ ngày nghỉ, ngày lễ), nếu thí sinh không nhận được thông tin phản hồi hoặc đăng kí dự tuyển không thành công, đề nghị liên hệ lại với bộ phận tuyển sinh qua số điện thoại **0243.5588053** (trong giờ hành chính) hoặc qua qua số điện thoại **0945.364.914** (trước 18h00 hàng ngày) hoặc qua địa chỉ email: tuyensinhshd@ussh.edu.vn*
- *Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Nhà trường sẽ xem xét hủy bỏ kết quả trúng tuyển của thí sinh nếu các thông tin đăng ký dự tuyển sai lệch với hồ sơ và không đáp ứng tiêu chuẩn dự thi.*

Phụ lục 1: DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG/PHÙ HỢP, YÊU CẦU THÂM NIÊN, BỔ TÚC KIẾN THỨC ĐĂNG KÍ DỰ TUYỂN THẠC SĨ

TT	Mã ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi	Yêu cầu kinh nghiệm công tác	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	8320101.01	Báo chí học	Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế	Văn học, Ngôn ngữ, Chính trị học, Quốc tế học, Xã hội học, Lịch sử, Triết học, Luật, Nhân học, Khoa học quản lý, Tâm lí học, Thông tin học, Quan hệ quốc tế, Đạo diễn sân khấu, Đạo diễn điện ảnh - truyền hình, Quay phim, Xuất bản.	Không tuyển	- Người tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	8 môn/ 23 tín chỉ 1. Báo chí truyền thông đại cương 2. Lý luận báo chí truyền thông 3. Kỹ năng viết cho báo in – báo điện tử 4. Kỹ năng viết cho phát thanh – truyền hình 5. Quan hệ công chúng đại cương 6. Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông 7. Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							8. Tổ chức và hoạt động của cơ quan báo chí truyền thông
2	8320101.01	Báo chí học (định hướng ứng dụng)	Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế	Văn học, Ngôn ngữ học, Chính trị học, Quốc tế học, Lịch sử, Xã hội học, Văn hóa học, Triết học, Luật, Kinh tế, Nhân học, Khoa học quản lý, Tâm lý học, Thông tin học, Xuất bản – Phát hành, Quan hệ quốc tế, Thông tin đối ngoại, Đạo diễn truyền hình, Biên tập truyền hình, Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế, Quảng cáo và Marketing, Xuất bản.	Tất cả những người có bằng đại học ngành khác và phải có tối thiểu 03 sản phẩm báo chí truyền thông đăng tải trên các phương tiện truyền thông đại chúng	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) và cột (5) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	8 môn/ 23 tín chỉ 1. Báo chí truyền thông đại cương 2. Lý luận báo chí truyền thông 3. Kỹ năng viết cho báo in – báo điện tử 4. Kỹ năng viết cho phát thanh – truyền hình 5. Quan hệ công chúng đại cương 6. Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông 7. Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông 8. Tổ chức và hoạt động của cơ quan báo chí truyền thông

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
3	8310608.01	Châu Á học	Đông phương học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Quốc tế học, Khu vực Thái Bình Dương học	Quan hệ quốc tế, Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Ả rập, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Nhật Bản, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Sư phạm tiếng Nhật, Sư phạm tiếng Trung	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	4 môn/12 tín chỉ 1. Lịch sử phương Đông 2. Văn hóa – văn minh phương Đông 3. Khu vực học đại cương 4. Tiếng Việt và các ngôn ngữ phương Đông
4	8340402.01	Chính sách công	Khoa học quản lí, Chính trị học, Luật	Triết học, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Báo chí, Quản lí văn hóa, Quản trị văn phòng, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Quản lí nhà nước, Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Quản lí nhà nước về an ninh trật tự (phải học BTKT 15 tín chỉ).	Người tốt nghiệp đại học ngành khác (phải học BTKT 24 tín chỉ) có ít nhất 02 năm kinh nghiệm và phải đang công tác trong lĩnh vực phân tích và hoạch định chính sách (Cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân các cấp); người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực quản lí, chính sách tại các viện	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). - Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công	Đối tượng cột (4): 5 môn/15 tín chỉ 1. Khoa học chính sách 2. Luật hành chính 3. Khoa học quản lí đại cương 4. Chính trị học đại cương 5. Khoa học tổ chức đại cương Đối tượng cột (5): 8 môn/24 tín chỉ:

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
					nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học công nghệ khác.	nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	1. Khoa học chính sách 2. Luật hành chính 3. Khoa học Quản lí đại cương 4. Chính trị học đại cương 5. Khoa học tổ chức đại cương 6. Xã hội học quản lí 7. Kinh tế chính trị 8. Nhà nước và pháp luật đại cương

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
5	8310201.01	Chính trị học	Chính trị học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế	Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	5 môn/15 tín chỉ (theo Công văn 722/ĐHQGHN-ĐT ngày 17/6/2020) Các học phần bắt buộc (09 tín chỉ) 1. Chính trị học đại cương 2. Lịch sử học thuyết chính trị 3. Đảng chính trị Các học phần tự chọn (06 tín chỉ) 4. Quyền lực chính trị 5. Nhập môn Hồ Chí Minh học 6. Chính sách đối ngoại của Việt Nam 7. Chính trị và truyền thông 8. Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							9. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam 10. Nhập môn chính trị quốc tế 11. Văn hóa chính trị Việt Nam
6	8310201.01	Chính trị học/Chính trị học (định hướng ứng dụng)	Chính trị học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế	Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	5 môn/15 tín chỉ (theo Công văn 722/ĐHQGHN-ĐT ngày 17/6/2020) Các học phần bắt buộc (09 tín chỉ) - Chính trị học đại cương - Lịch sử học thuyết chính trị - Đảng chính trị Các học phần tự chọn (06 tín chỉ) - Quyền lực chính trị - Nhập môn Hồ Chí Minh học

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							6. Chính sách đối ngoại của Việt Nam 7. Chính trị và truyền thông 8. Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam 9. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam 10. Nhập môn chính trị quốc tế 11. Văn hóa chính trị Việt Nam
7	8229001.02	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.	Giáo dục công dân, Lịch sử, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Xã hội học, Tâm lí học, Kinh tế chính trị, Văn hóa học.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	<i>11 môn/24 tín chỉ</i> 1. Lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại 2. Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại 3. Lịch sử triết học Hy - La cổ đại 4. Lịch sử triết học Tây Âu trung cận đại 5. Lịch sử triết học cổ điển Đức 6. Triết học Mác - Lênin nâng cao

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							7. Triết học phương Tây hiện đại 8. Chuyên đề Logic học 9. Chuyên đề Tôn giáo học 10. Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học 11. Tư tưởng triết học Việt Nam
8	8760101.01	Công tác xã hội	Công tác xã hội	Xã hội học, Tâm lý học, Giáo dục đặc biệt, Khoa học Quản lý, Đông Phương học, Báo chí, Chính trị học/Sư phạm giáo dục chính trị, Triết học, Luật học, Nhân học, Lịch sử (có định hướng chuyên ngành Nhân học)	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	10 môn/29 tín chỉ 1. Công tác xã hội đại cương 2. Lý thuyết công tác xã hội 3. Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội 4. Hành vi con người và môi trường xã hội 5. Quản trị ngành CTXH 6. Công tác xã hội cá nhân 7. Công tác xã hội nhóm 8. Phát triển cộng đồng 9. CTXH với người khuyết tật

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							10 CTXH trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần
9	8760101.01	Công tác xã hội (định hướng ứng dụng)	Công tác xã hội	Xã hội học, Tâm lý học, Giáo dục đặc biệt, Chính trị học, Sư phạm giáo dục chính trị, Nhân học	Tất cả những người có bằng đại học ngành khác.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).- Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	- Đối tượng cột (4): 10 môn/29 tín chỉ. - Công tác xã hội đại cương - Lý thuyết công tác xã hội - Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội - Hành vi con người và môi trường xã hội - Quản trị ngành CTXH - Công tác xã hội cá nhân - Công tác xã hội nhóm - Phát triển cộng đồng - CTXH với người khuyết tật - CTXH trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần - Đối tượng cột (5): 12 môn/35 tín chỉ.

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							1. Công tác xã hội đại cương 2. Lý thuyết công tác xã hội 3. Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội 4. Hành vi con người và môi trường xã hội 5. Quản trị ngành công tác xã hội 6. Công tác xã hội cá nhân 7. Công tác xã hội nhóm 8. Phát triển cộng đồng 9. Công tác xã hội với người khuyết tật 10. Công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần 11. Tham vấn tâm lý 12. Công tác xã hội trường học

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
10	8810101.01	Du lịch	Du lịch, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Hướng dẫn viên du lịch (công văn 3154/ĐHGQHN ngày 11/8/2017).	Việt Nam học, Khoa học Quản lý, Quản lý Văn hóa, Quản trị Kinh doanh	Tất cả những người có bằng đại học ngành khác.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). - Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	- Đối tượng cột (4): 7 môn/21 tín chỉ. 1. Marketing du lịch 2. Quản trị kinh doanh khách sạn 3. Quản trị kinh doanh lữ hành 4. Tổng quan sự kiện 5. Hướng dẫn du lịch 6. Kinh doanh dịch vụ bổ sung 7. Điểm tuyến du lịch - Đối tượng cột (5): 9 môn/27 tín chỉ 1. Nhập môn khoa học du lịch 2. Kinh tế du lịch 3. Văn hóa du lịch 4. Địa lý du lịch 5. Marketing du lịch

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							6. Quản trị kinh doanh khách sạn 7. Quản trị kinh doanh lễ hành 8. Tổng quan sự kiện 9. Hướng dẫn du lịch
11	8220104.01	Hán Nôm	Hán Nôm, Ngữ văn (Hán Nôm)	Ngôn ngữ Trung Quốc, Trung Quốc học, Sư phạm tiếng Trung Quốc.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	9 môn/23 tín chỉ 1. Văn tự học Hán Nôm 2. Ngữ pháp văn ngôn 3. Tứ thư 1 (Luận ngữ - Mạnh Tử) 4. Tứ thư 2 (Đại học – Trung dung) 5. Ngũ kinh 1 (Thi – Thư) 6. Ngũ kinh 2 (Lễ - Dịch – Xuân Thu Tả truyện) 7. Hán văn Việt Nam thế kỷ X – XX 8. Chữ Nôm 9. Văn học Việt Nam trung đại

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
12	8310204.01	Hồ Chí Minh học	Chính trị học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế	Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	5 môn/15 tín chỉ (theo Công văn 1722/ĐHQGHN-ĐT ngày 17/6/2020) Các học phần bắt buộc (09 tín chỉ) 1. Chính trị học đại cương 2. Lịch sử học thuyết chính trị 3. Đảng chính trị Các học phần tự chọn (06 tín chỉ) 4. Quyền lực chính trị 5. Nhập môn Hồ Chí Minh học 6. Chính sách đối ngoại của Việt Nam 7. Chính trị và truyền thông 8. Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							9. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam 10. Nhập môn chính trị quốc tế 11. Văn hóa chính trị Việt Nam
13	8229010.01	Khảo cổ học	Lịch sử/Sur phạm Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học, Bảo tàng học (công văn 3145/ĐHQGHN ngày 11/8/2017)	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Nhân học đại cương 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Phương pháp luận sử học

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
14	8340401.01	Khoa học quản lí	Khoa học quản lí, Quản lí xã hội	Quản lý công, Chính sách công, Chính sách Khoa học và Công nghệ, Hành chính công; Quản lý nhân lực; Quản trị kinh doanh; Khoa học chính trị; Quản lý kinh tế, Khoa học môi trường; Điều khiển học kinh tế, Quản lý công nghệ và doanh nghiệp, Quản lý Môi trường, Quản lý giáo dục, Xã hội học, Công tác xã hội, Quản lý du lịch, Hệ thống thông tin trong quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý văn hóa, Quản lý giáo dục và các ngành khác có liên quan đến lĩnh vực quản lý	Không tuyển	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) và tốt nghiệp từ loại Khá trở lên tại cột (4) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	6 môn/18 tín chỉ 1. Khoa học quản lý đại cương 2. Lịch sử tư tưởng quản lý 3. Tổng quan Sở hữu trí tuệ 4. Khoa học chính sách 5. Lý thuyết hệ thống và điều khiển học 6. Khoa học và Công nghệ luận

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
15	8320201.01	Khoa học thông tin thư viện	Thông tin - Thư viện, Thư viện – Thông tin; Thông tin học; Quản trị thông tin; Thông tin học & Quản trị thông tin; Khoa học Thư viện; Thư viện học	Lưu trữ học, Lịch sử, Bảo tàng học, Xuất bản, Báo chí, Quan hệ công chúng, Văn hóa học, Quản lí văn hóa, Quản trị văn phòng; Truyền thông quốc tế, Hệ thống thông tin quản lí, Khoa học quản lí	Không tuyển	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	12 môn/24 tín chỉ 1. Thông tin học đại cương 2. Thư viện học đại cương 3. Phát triển nguồn lực thông tin 4. Biên mục mô tả 5. Phân loại tài liệu 6. Định chủ đề và định từ khóa 7. Tóm tắt, chú giải, tổng luận tài liệu 8. Tổ chức và bảo quản tài liệu 9. Sản phẩm và dịch vụ thông tin, thư viện 10. Phần mềm quản trị thông tin, thư viện 11. Tổ chức và quản lý cơ quan thông tin, thư viện 12. Bộ máy Tra cứu tìm tin

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
16	8320201.01	Khoa học thông tin thư viện (định hướng ứng dụng)	Thông tin - Thư viện, Khoa học Thư viện, Thông tin học, Quản trị thông tin.	Lưu trữ học, Lịch sử, Bảo tàng học, Xuất bản, Báo chí, Quan hệ công chúng, Văn hóa học, Quản lí văn hóa, Quản trị văn phòng; Truyền thông quốc tế, Hệ thống thông tin quản lí, Khoa học quản lí	Tất các các ngành khác	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	- Đối tượng cột (4): 12 môn/24 tín chỉ 1. Thông tin học đại cương 2. Thư viện học đại cương 3. Phát triển nguồn lực thông tin 4. Biên mục mô tả 5. Phân loại tài liệu 6. Định chủ đề và định từ khóa 7. Tóm tắt, chú giải, tổng luận tài liệu 8. Tổ chức và bảo quản tài liệu 9. Sản phẩm và dịch vụ thông tin, thư viện 10. Phần mềm quản trị thông tin, thư viện 11. Tổ chức và quản lý cơ quan thông tin, thư viện 12. Bộ máy Tra cứu tìm tin

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							- Đối tượng cột (5): 15 môn/ 30 tín chỉ 1. Thông tin học đại cương 2. Thư viện học đại cương 3. Phát triển nguồn lực thông tin 4. Biên mục mô tả 5. Phân loại tài liệu 6. Định chủ đề và định từ khóa 7. Tóm tắt, chú giải, tổng luận tài liệu 8. Tổ chức và bảo quản tài liệu 9. Sản phẩm và dịch vụ thông tin, thư viện 10. Phần mềm quản trị thông tin, thư viện 11. Tổ chức và quản lí cơ quan thông tin, thư viện 12. Bộ máy tra cứu tìm tin

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							13. Công tác phục vụ người dùng tin 14. Marketing trong hoạt động thông tin 15. Thư viện số
17	8229030.01	Lí luận văn học	Văn học, Sư phạm ngữ văn	Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài, Hán Nôm, Báo chí truyền thông.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	7 môn/ 21 tín chỉ 1. Nguyên lý lý luận văn học 2. Tác phẩm văn học 3. Loại thể văn học 4. Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII 5. Văn học Việt Nam từ cuối thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX 6. Văn học Việt Nam 1900 – 1945 7. Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
18	8210232.01	Lí luận, lịch sử điện ảnh - truyền hình	Công nghệ điện ảnh – truyền hình, Đạo diễn điện ảnh – truyền hình, Biên kịch điện ảnh – truyền hình, Lý luận và phê bình điện ảnh – truyền hình, Quay phim điện ảnh, Diễn viên kịch – điện ảnh, Đạo diễn sân khấu, Hội họa, Điều khắc, Kiến trúc, Đồ họa, Thiết kế đồ họa, Văn học, Lý luận và phê bình sân khấu, Lí luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật	Sư phạm Ngữ văn, Văn hóa học, Báo chí, Xã hội học, Tâm lý học, Lịch sử, lý luận và phê bình mỹ thuật, Thiết kế mỹ thuật sân khấu-điện ảnh, Nhiếp ảnh, Công nghệ điện ảnh – truyền hình, Thông tin học, Quan hệ công chúng, Quốc tế học, Đông phương học, Ngôn ngữ học; Biên kịch sân khấu; Diễn viên sân khấu kịch hát; Diễn viên múa; Huấn luyện múa; Biên đạo múa; Lý luận, phê bình múa; Âm nhạc học; Sáng tác âm nhạc; Chỉ huy âm nhạc; Thiết kế âm thanh, ánh sáng; Quản lí văn hóa; Sáng tác văn học; Các ngành thuộc nhóm Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (mã số 522202)	Người tốt nghiệp đại học ngành khác phải có thêm bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành Đạo diễn, Quay phim, Biên kịch của Trường Cao đẳng Sân khấu Điện ảnh TP Hồ Chí Minh. (công văn 1816/ĐHQGHN-ĐT ngày 01/6/2017)	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).- Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực Lí luận, lịch sử và phê bình điện ảnh – truyền hình tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi. (công văn 1816/ĐHQGHN-ĐT ngày 01/6/2017)	- Đối tượng cột (4): 6 môn/19 tín chỉ 1. Nhập môn nghệ thuật học 2. Nhập môn điện ảnh học 3. Tổng quan lịch sử điện ảnh thế giới 4. Tổng quan lịch sử điện ảnh Việt Nam 5. Truyền thông quan hệ công chúng 6. Lý luận truyền hình - Đối tượng cột (5): 8 môn/ 25 tín chỉ 1. Nhập môn nghệ thuật học 2. Nhập môn điện ảnh học 3. Tổng quan lịch sử điện ảnh thế giới 4. Tổng quan lịch sử điện ảnh Việt Nam

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							5. Lý luận truyền thông 6. Truyền thông quan hệ công chúng 7. Phương pháp nghiên cứu công chúng 8. Lý luận truyền hình
19	8229010.02	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học
20	8229010.04	Lịch sử sử học và sử liệu học	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học
21	8229010.03	Lịch sử thế giới	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
22	8229040.01	Lịch sử văn hóa Việt Nam	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học
23	8229010.05	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử	Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học	Không tuyển	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận	8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
						tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học
24	8320303.01	Lưu trữ học	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Lưu trữ học	Lịch sử, Văn học, Văn hóa học, Quản lý giáo dục, Báo chí, Luật, Chính trị học, Quản trị văn phòng, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Công tác xã hội, Đông phương học, Hán Nôm, Khoa học quản lý, Khoa học thư viện, Nhân học, Quốc tế học, Tâm lý học, Thông tin học, Triết học, Việt Nam học, Xã hội học, Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	10 môn/ 25 tín chỉ 1. Quản lý nhà nước trong công tác văn thư-lưu trữ 2. Tiêu chuẩn hoá trong công tác văn thư-lưu trữ 3. Soạn thảo và ban hành văn bản quản lý 4. Tổ chức quản lý văn bản 5. Tổ chức lập hồ sơ và quản lý hồ sơ 6. Tổ chức khoa học tài liệu 7. Tổ chức bảo quản tài liệu 8. Tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ 9. Lịch sử lưu trữ

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							10. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư - lưu trữ
25	8320303.01	Lưu trữ học (định hướng ứng dụng)	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Lưu trữ học	Lịch sử, Văn học, Văn hóa học, Quản lý giáo dục, Báo chí, Luật, Chính trị học, Quản trị văn phòng, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Công tác xã hội, Đồng phương học, Hán Nôm, Khoa học quản lý, Khoa học thư viện, Nhân học, Quốc tế học, Tâm lý học, Thông tin học, Triết học, Việt Nam học, Xã hội học, Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	10 môn/ 25 tín chỉ 1. Quản lý nhà nước trong công tác văn thư-lưu trữ 2. Tiêu chuẩn hoá trong công tác văn thư-lưu trữ 3. Soạn thảo và ban hành văn bản quản lý 4. Tổ chức quản lý văn bản 5. Tổ chức lập hồ sơ và quản lý hồ sơ 6. Tổ chức khoa học tài liệu 7. Tổ chức bảo quản tài liệu 8. Tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ 9. Lịch sử lưu trữ 10. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư - lưu trữ

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
26	8229020.01	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ học, Ngữ văn (tốt nghiệp từ 1995 trở về trước), Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	Ngữ Văn, Sư phạm Ngữ Văn, Văn học, Hán Nôm, Việt Nam học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ A rập, Đông phương học, Châu Á học, Đông Nam Á học, Nhân học, Báo chí, Tâm lý học.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	<i>6 môn/ 20 tín chỉ</i> 1. Ngôn ngữ học đại cương 2. Ngữ âm học tiếng Việt 3. Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt 4. Ngữ pháp tiếng Việt 5. Ngôn ngữ học ứng dụng 6. Ngữ dụng học tiếng Việt
27	8310302.01	Nhân học	Nhân học, Lịch sử (định hướng chuyên ngành Dân tộc học)	Xã hội học, Công tác xã hội, Tâm lí học, Việt Nam học, Văn hóa học, Chính trị học, Văn hóa dân tộc thiểu số Việt Nam, Bảo tàng học.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	<i>4 môn/ 12 tín chỉ</i> 1. Nhân học đại cương 2. Các phương pháp nghiên cứu nhân học 3. Lịch sử và các lý thuyết nhân học 4. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
28	8310601.01	Quan hệ quốc tế	Quốc tế học, Quan hệ quốc tế	Lịch sử, Triết học, Kinh tế học, Luật học, Chính trị học, Châu Á học/Đông Phương học, Việt Nam học, Xã hội học, Văn hóa học, Nhân học, Tôn giáo học, Báo chí học, Quan hệ công chúng, Thông tin đối ngoại, Chính sách công, Công tác xã hội, Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (công văn 4384/ĐHQGHN-ĐT ngày 30/12/2016).	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	10 môn/26 tín chỉ 1. Lịch sử Quan hệ quốc tế 2. Quan hệ đối ngoại Việt Nam 3. Nhập môn Quan hệ quốc tế 4. Nhập môn Khu vực học 5. Kinh tế quốc tế 6. Luật pháp quốc tế 7. Thể chế chính trị thế giới 8. Các tổ chức quốc tế 9. Các vấn đề toàn cầu 10. Phương pháp nghiên cứu Quan hệ quốc tế

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
29	8340412.01	Quản lí Khoa học và Công nghệ	Khoa học quản lí (công văn 1816/ĐHQGHN-ĐT ngày 01/6/2017)	Tất cả các ngành	Tất cả các ngành	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học cột (4), (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	10 môn/ 27 tín chỉ 1. Khoa học quản lý đại cương 2. Lịch sử tư tưởng quản lý 3. Tổng quan Sở hữu trí tuệ 4. Khoa học chính sách 5. Lý thuyết hệ thống và điều khiển học 6. Khoa học và Công nghệ luận 7. Hành chính học đại cương 8. Xã hội học quản lý 9. Tâm lý học quản lý 10. Chính trị học đại cương

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
30	8340412.01	Quản lí Khoa học và Công nghệ (định hướng ứng dụng)	Khoa học quản lí (công văn 1816/ĐHQGHN-ĐT ngày 01/6/2017)	Tất cả các ngành	Tất cả các ngành	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học cột (4), (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	10 môn/ 27 tín chỉ 1. Khoa học quản lý đại cương 2. Lịch sử tư tưởng quản lý 3. Tổng quan Sở hữu trí tuệ 4. Khoa học chính sách 5. Lý thuyết hệ thống và điều khiển học 6. Khoa học và Công nghệ luận 7. Hành chính học đại cương 8. Xã hội học quản lý 9. Tâm lý học quản lý 10. Chính trị học đại cương

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
31	8319042.0 1	Quản lí văn hóa	- Quản lí văn hóa (được thi ngay sau khi tốt nghiệp theo Công văn số 1060 ngày 12/4/2019 của ĐHQGHN) - Lịch sử, Văn hóa học, Khoa học quản lí, Nhân học (phải học BTKT)	Ngôn ngữ học, Văn học, Hán Nôm, Đông phương học, Đông Nam Á học, Triết học, Báo chí, Quan hệ công chúng, Quản trị dịch vụ du lịch lễ hành, Quản trị khách sạn, Quốc tế học, Lưu trữ học, Quản trị văn phòng, Thông tin học, Khoa học thư viện, Việt Nam học, Chính trị học, Tâm lí học, Xã hội học, Công tác xã hội, Tôn giáo học	Tất cả các ngành	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học cột (4), phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).- Người tốt nghiệp đại học cột (5), phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	11 môn/30 tín chỉ 1. Các phương pháp nghiên cứu khoa học 2. Lịch sử văn minh thế giới 3. Cơ sở văn hóa Việt Nam 4. Môi trường và phát triển 5. Khoa học quản lí đại cương 6. Nhân học đại cương 7. Lí thuyết hệ thống 8. Cơ sở khảo cổ học 9. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 10. Một số vấn đề về tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội ở Việt Nam 11. Kỹ năng quản lí

TT	Mã ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi	Yêu cầu kinh nghiệm công tác	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
32	Thí điểm	Quản trị báo chí truyền thông	Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế, Truyền thông đại chúng	Lí luận, lịch sử điện ảnh – truyền hình, Biên kịch điện ảnh – truyền hình, Đạo diễn điện ảnh – Truyền hình, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lí văn hóa, Kinh tế, Chính trị học, Quản lí nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lí học, Quốc tế học, Công nghệ truyền thông, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm, Thông tin – Thư viện, Quản lí thông tin, Quản trị kinh doanh, Marketing, Khoa học quản lí, Quản lí công, Luật.	Tất cả các ngành khác	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). - Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi.	- Đối tượng cột (4): 7 môn/20 tín chỉ 1. Lý luận báo chí truyền thông 2. Kỹ năng viết cho báo chí - báo điện tử 3. Kỹ năng viết cho phát thanh - truyền hình 4. Quan hệ công chúng đại cương 5. Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông 6. Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông 7. Tổ chức và hoạt động của cơ quan báo chí truyền thông - Đối tượng cột (5): 10 môn/ 29 tín chỉ. 1. Báo chí truyền thông đại cương 2. Lý luận báo chí truyền thông 3. Lý luận và thực tiễn báo in – báo điện tử

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							4. Lý luận và thực tiễn phát thanh – truyền hình 5. Kỹ năng viết cho báo chí – báo điện tử 6. Kỹ năng viết cho phát thanh – truyền hình 7. Quan hệ công chúng đại cương 8. Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông 9. Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông 10. Tổ chức và hoạt động của cơ quan báo chí truyền thông Ghi chú: Những ứng viên thuộc đối tượng cột (4), (5) có thể hội viên Hội Nhà báo Việt Nam được miễn 03 học phần: <i>Kỹ năng viết cho báo in-báo điện tử, Kỹ năng viết cho Phát thanh-Truyền hình, Tổ chức và hoạt động của cơ quan báo chí truyền thông.</i>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
33	8340406.01	Quản trị văn phòng	Quản trị văn phòng, Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	Khoa học quản lý, Khoa học chính trị, Quản lý nhà nước, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Hành chính học, Lưu trữ học, Thông tin học, Khoa học thư viện.	Báo chí, Công nghệ thông tin, Công tác xã hội, Kế toán, Giáo dục học, Lịch sử, Luật học, Nhân học, Ngôn ngữ (Anh, Pháp, Nga), Quản lý văn hóa, Tài chính – Ngân hàng, Tâm lý học, Thống kê, Toán học, Xã hội học	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). - Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi.	9 môn/20 tín chỉ - Hành chính học đại cương - Quản trị văn phòng đại cương - Các lý thuyết quản trị - Tổ chức văn phòng - Tổ chức quản lý công tác văn thư – lưu trữ - Nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp - Văn hoá công sở - Lễ tân văn phòng - Quản trị nhân sự văn phòng
34	8340406.01	Quản trị văn phòng (định hướng ứng dụng)	Quản trị văn phòng, Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	- Khoa học Quản lý, Khoa học chính trị, Quản lý công, Quản lý nhà nước, Quản lý thông tin, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực,	- Tất cả các ngành khác	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) và cột (4) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công	- Đối tượng cột (4): 9 môn/20 tín chỉ - Hành chính học đại cương - Quản trị văn phòng đại cương

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
				Hệ thống thông tin quản lí, Lưu trữ học, Hành chính học, Thông tin Thư viện, Quản lí thông tin.		tác trong lĩnh vực tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi.	3. Các lý thuyết quản trị 4. Tổ chức văn phòng 5. Tổ chức quản lý công tác văn thư – lưu trữ 6. Nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp 7. Văn hoá công sở 8. Lễ tân văn phòng 9. Quản trị nhân sự văn phòng - Đối tượng cột (5): 11 môn/26 tín chỉ 1. Hành chính học đại cương 2. Quản trị văn phòng đại cương 3. Các lý thuyết quản trị 4. Tổ chức văn phòng 5. Tổ chức quản lý công tác văn thư – lưu trữ 6. Nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							7. Văn hoá công sở 8. Lễ tân văn phòng 9. Quản trị nhân sự văn phòng 10. Đạo đức công vụ 11. Phương pháp soạn thảo văn bản
35	8310401.01	Tâm lí học	Tâm lí học, Tâm lí giáo dục	Xã hội học, Công tác xã hội, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Nhân học, Sư phạm mẫu giáo, Y tế công cộng; Quản lý giáo dục.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	17 môn/ 31 tín chỉ Các học phần bắt buộc 1. Sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao 2. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu tâm lý 3. Những vấn đề cơ bản của tâm lý học 4. Tâm lý học tham vấn 5. Tâm lý học quản lý 6. Tâm lý học lâm sàng đại cương 7. Tâm lý học nhóm

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							Các học phần tự chọn 8. Tâm lý học nhân cách 9. Tâm lý học lao động hướng nghiệp 10. Tâm lý học khác biệt 11. Giao tiếp trong quản lí kinh doanh 12. Tâm lí học học đường 13. Tham vấn cho trẻ em và thanh thiếu niên 14. Tâm lí học gia đình 15. Tâm lí học du lịch 16. Tâm lí học giới 17. Tâm lí học phát triển

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
36	8310401.02	Tâm lý học lâm sàng (định hướng ứng dụng)	Tâm lý học, Tâm lý học Giáo dục	Công tác xã hội, Xã hội học, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Nhân học, Y tế công cộng, Y đa khoa, Y học dự phòng	Không tuyển	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và những người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	9 môn/ 27 tín chỉ 1. Sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao 2. Những vấn đề cơ bản của tâm lý học 3. Tâm lý học tham vấn 4. Tâm lý học lâm sàng đại cương 5. Tâm lý học trị liệu 6. Tâm bệnh học đại cương 7. Đánh giá tâm lý 8. Tâm lý học gia đình 9. Tâm lý học phát triển
37	8229009.01	Tôn giáo học	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.	Tâm lý học, Xã hội học, Khoa học Quản lý, Nhân học, Lịch sử, Khoa học Chính trị, Văn học, Việt Nam học, Ngôn ngữ học, Báo chí học, Du lịch học, Đông phương học (ở trong và ngoài nước)	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	10 môn/24 tín chỉ 1. Quan niệm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về tôn giáo và phương pháp luận nghiên cứu tôn giáo 2. Phật giáo và tín ngưỡng bản địa Việt Nam

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							3. Công giáo và Islam với dân tộc Việt Nam 4. Quan niệm ngoài Mác xít về tôn giáo 5. Tâm lí học tôn giáo 6. Mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị 7. Lịch sử các tổ chức tôn giáo 8. Đạo Tin lành ở Việt Nam: lịch sử và hiện tại 9. Quan điểm của các nhà tư tưởng Việt Nam từ thế kỉ 10 đến nửa đầu thế kỉ 20 về tôn giáo 10. Triết học Tôn giáo

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
38	8229009.01	Tôn giáo học (định hướng ứng dụng)	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.	Tâm lí học, Xã hội học, Khoa học quản lí, Nhân học, Lịch sử, Khoa học chính trị, Văn học, Việt Nam học, Ngôn ngữ học, Báo chí học, Du lịch học, Đông phương học (học bổ sung BTKT 24 tín chỉ, yêu cầu 1 năm công tác trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành Tôn giáo học)	Tất cả các ngành	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.- Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn, người tốt nghiệp tại cột (5) phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	- Đối tượng cột (4): 10 môn/24 tín chỉ 1. Quan niệm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về tôn giáo và phương pháp luận nghiên cứu tôn giáo 2. Phật giáo và tín ngưỡng bản địa Việt Nam 3. Công giáo và Islam với dân tộc Việt Nam 4. Quan niệm ngoài Mác xít về tôn giáo 5. Tâm lí học tôn giáo 6. Mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị 7. Lịch sử các tổ chức tôn giáo 8. Đạo Tin lành ở Việt Nam: lịch sử và hiện tại 9. Quan điểm của các nhà tư tưởng Việt Nam từ thế kỉ 10 đến nửa đầu thế kỉ 20 về tôn giáo

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							10. Triết học Tôn giáo - Đối tượng cột (5): 13 môn/31 tín chỉ 1. Quan niệm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về tôn giáo và phương pháp luận nghiên cứu tôn giáo 2. Phật giáo và tín ngưỡng bản địa Việt Nam 3. Công giáo và Islam với dân tộc Việt Nam 4. Quan niệm ngoài Mác xít về tôn giáo 5. Tâm lí học tôn giáo 6. Mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị 7. Lịch sử các tổ chức tôn giáo 8. Đạo Tin lành ở Việt Nam: lịch sử và hiện tại

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							9. Quan điểm của các nhà tư tưởng Việt Nam từ thế kỉ 10 đến nửa đầu thế kỉ 20 về tôn giáo 10. Triết học Tôn giáo 11. Tôn giáo, tín ngưỡng: những vấn đề lí luận và thực tiễn 12. Tôn giáo, tín ngưỡng: những vấn đề lịch sử và hiện tại 13. Tôn giáo học so sánh
39	8229001.01	Triết học	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.	Giáo dục công dân, Lịch sử, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Xã hội học, Tâm lí học, Kinh tế chính trị, Văn hóa học.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	11 môn/24 tín chỉ 1. Lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại 2. Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại 3. Lịch sử triết học Hy - La cổ đại 4. Lịch sử triết học Tây Âu trung cận đại 5. Lịch sử triết học cổ điển Đức 6. Triết học Mác - Lênin nâng cao

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							7. Triết học phương Tây hiện đại 8. Chuyên đề Logic học 9. Chuyên đề Tôn giáo học 10. Chuyên đề CNXHKKH 11. Tư tưởng triết học Việt nam
40	8229030.03	Văn học nước ngoài	Văn học, Sư phạm ngữ văn	Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Báo chí truyền thông.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	7 môn/ 21 tín chỉ 1. Nguyên lý lý luận văn học 2. Tác phẩm văn học 3. Loại thể văn học 4. Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII 5. Văn học Việt Nam từ cuối thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX 6. Văn học Việt Nam 1900 – 1945 7. Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
41	8229030.04	Văn học Việt Nam	Văn học, Sư phạm ngữ văn	Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài, Hán Nôm, Báo chí truyền thông.	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	7 môn/ 21 tín chỉ 1. Nguyên lý lý luận văn học 2. Tác phẩm văn học 3. Loại thể văn học 4. Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII 5. Văn học Việt Nam từ cuối thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX 6. Văn học Việt Nam 1900 – 1945 7. Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay
42	8229030.02	Văn học/ Văn học dân gian	Văn học, Sư phạm ngữ văn	Nghệ thuật học, Văn hóa học, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Việt Nam học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Báo chí - Truyền thông	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	7 môn/ 21 tín chỉ 1. Nguyên lý lý luận văn học 2. Tác phẩm văn học 3. Loại thể văn học

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							4. Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVIII 5. Văn học Việt Nam từ cuối thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX 6. Văn học Việt Nam 1900 – 1945 7. Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay
43	8310630.01	Việt Nam học	Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam và sinh viên tốt nghiệp ngành Tiếng Việt tại các Trường Đại học ở nước ngoài.	Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Triết học, Báo chí, Nhân học, Quốc tế học, Luật học, Quản lý xã hội, Chính trị học, Hán Nôm, Xã hội học, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Địa lý học, Khoa học môi trường, Kinh tế học, các ngành thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (mã số 5222202)	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	10 môn/ 26 tín chỉ 1. Lịch sử văn minh thế giới 2. Cơ sở văn hóa Việt Nam 3. Nhập môn Việt Nam học 4. Lịch sử Việt Nam đại cương 5. Việt ngữ học đại cương 6. Văn học Việt Nam đại cương 7. Các dân tộc Việt Nam 8. Môi trường và phát triển 9. Địa lý Việt Nam

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 1 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 2 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							10. Kinh tế học đại cương
44	8310301.01	Xã hội học	Xã hội học	Công tác xã hội, Tâm lý học, Khoa học quản lý, Chính trị học, Triết học, Luật học, Nhân học, Đông phương học, Việt Nam học, Kinh tế học	Không tuyển	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	<i>13 môn/ 28 tín chỉ</i> 1. Lịch sử và lý thuyết xã hội học 2. Phương pháp nghiên cứu xã hội học 3. Xã hội học nông thôn 4. Xã hội học giới 5. Xã hội học quản lý 6. Xã hội học dân số 7. Xã hội học giáo dục 8. Xã hội học tôn giáo 9. Xã hội học gia đình 10. Xã hội học đô thị 11. Xã hội học văn hóa 12. Xã hội học du lịch 13. Xã hội học môi trường

Phụ lục 2 – Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN

1. Chứng chỉ tiếng Anh:

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL <i>không chấp nhận chứng chỉ toefl ibt thi online (home edition)</i>	Cambridge Exam	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	42 iBT	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	VSTEP.3-5 (6.0)

Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được. Đối với chứng chỉ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, chỉ chấp nhận chứng chỉ đã được quy định theo mẫu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã công bố (chi tiết mẫu xem tại:

<http://ntc.moet.gov.vn/content/quyet-dinh-ban-hanh-cac-mau-chung-chi-cua-khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-dung-cho-viet-nam>).

Phụ lục 2 – Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN

2. Một số thứ tiếng khác:

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
Bậc 3	TPKI-1	DEL F B1 TCF B1	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1	HSK Bậc 3	JLPT N3 NAT-TEST 3Q J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)
Bậc 4	TPKI-2	DEL F B2 TCF B2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4 ECL B2	HSK Bậc 4	JLPT N2 (90) NAT-TEST 2Q (100) J-TEST (600)	TOPIK II (Bậc 4)

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Phụ lục 3 – Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN

Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

1. Chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	Chứng chỉ	Chứng nhận						
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Thái
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Hà Nội	√	√	√	√	√			
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	√	√	√	√				
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	√	√	√	√				
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√	√						
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√							
7.	Đại học Bách khoa Hà Nội	√							
8.	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	√							
9.	ĐH Thái Nguyên	√							
10.	Trường ĐH Cần Thơ	√							

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	Chứng chỉ	Chứng nhận						
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Thái
11.	Trường Đại học Nam Cần Thơ	√							
12.	Trường ĐH Vinh	√							
13.	Học viện An ninh nhân dân	√							
14.	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	√							
15.	Trường Đại học Thương mại	√							
16.	Trường Đại học Ngoại thương	√							
17.	Học viện Khoa học quân sự	√							
18.	Học viện Cảnh sát nhân dân	√							
19.	Trường Đại học Quy Nhơn	√							
20.	Trường Đại Học Tây Nguyên	√							
21.	Trường Đại học Sài Gòn	√							
22.	Trường Đại học Văn Lang	√							
23.	Trường Đại học Trà Vinh	√							
24.	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	√							
25.	Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM	√							

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	Chứng chỉ	Chứng nhận						
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Thái
26.	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	√							
27.	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM	√							

Ghi chú: (*) Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020.

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận		
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	
2.	British Council (BC)	√		
3.	International Development Program (IDP)	√		
4.	Cambridge ESOL	√		√

3. Một số chứng chỉ ngoại ngữ khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Một số ngoại ngữ khác					
		<i>tiếng Nga</i>	<i>tiếng Pháp</i>	<i>tiếng Đức</i>	<i>tiếng Trung</i>	<i>tiếng Nhật</i>	<i>tiếng Hàn</i>
1.	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	√					
2.	Bộ Giáo dục Pháp		√				
3.	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD			√			
4.	Công ty TNHH Công nghệ Giáo dục Quốc tế khảo thí Hán ngữ, Bắc Kinh, Trung Quốc(*)				√		
5.	Japan Foundation (JLPT) Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test)					√	
6.	Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED)						√

Ghi chú: (*) Cơ sở cấp chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Trung có hiệu lực áp dụng từ ngày 16/01/2023 (trước thời điểm này là Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc).

